

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HỒNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/DS-ST
Ngày: 21-01-2021
V/v tranh hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bé Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Văn Sinh.

Bà Lương Thị Anh Đào.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Hồng Tân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Định - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 13, 21 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 263/2020/TLST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2020/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2021/QĐST-DS ngày 13 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Đinh Thị L, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Ấp 1, xã B, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Phan Hòa L, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Ấp 3, xã B, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Lưu Thị Nh (vợ ông L), sinh năm 1982.

Địa chỉ: Ấp 3, xã B, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

(Tất cả các đương sự đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Lời trình bày của nguyên đơn Đinh Thị L: Vào năm 2020, vợ chồng ông Phan Hòa L bà Lưu Thị Nh có hỏi vay tiền của bà L và đến nay còn nợ bà L số tiền cụ thể như sau:

Ngày 26-4-2020 âm lịch (tháng 4 trước vì nhuần hai tháng 4) hỏi vay góp số tiền là 10.000.000 đồng, thời hạn góp 36 ngày, mỗi ngày góp 300.000 đồng. Ông L và bà Nh đã góp được 14 ngày với số tiền là $300.000 \text{ đồng} \times 14 \text{ ngày} = 4.200.000 \text{ đồng}$. Từ ngày mùng 10 tháng 4 sau, ông L và bà Nh không còn góp tiền nữa, đến nay ông L và bà Nh còn nợ bà L số tiền vay góp là $10.800.000 \text{ đồng} - 4.200.000 \text{ đồng} = 6.600.000 \text{ đồng}$ (trong đó số tiền vay gốc là 5.800.000 đồng).

Ngày 03-04-2020 âm lịch (tháng 4 sau vì nhuần hai tháng 4) hỏi vay góp số tiền là 20.000.000 đồng, thời hạn góp 36 ngày, mỗi ngày góp 600.000 đồng. Ông L và bà Nh đã góp được 07 ngày với số tiền là $600.000 \text{ đồng} \times 07 \text{ ngày} = 4.200.000 \text{ đồng}$. Từ ngày mùng 10 tháng 4 sau, ông L và bà Nh không còn góp tiền nữa, đến nay ông L và bà Nh còn nợ bà L số tiền vay góp là $21.600.000 \text{ đồng} - 4.200.000 \text{ đồng} = 17.400.000 \text{ đồng}$ (trong đó số tiền vay gốc là 15.800.000 đồng).

Ngày 07-4-2020 âm lịch (tháng 4 sau vì nhuần hai tháng 4) hỏi vay góp số tiền là 20.000.000 đồng, thời hạn góp 36 ngày, mỗi ngày góp 600.000 đồng. Ông L và bà Nh đã góp được 03 ngày với số tiền là $600.000 \text{ đồng} \times 03 \text{ ngày} = 1.800.000 \text{ đồng}$. Từ ngày mùng 10 tháng 4 sau, ông L và bà Nh không còn góp tiền nữa, đến nay ông L và bà Nh còn nợ bà L số tiền vay góp là $21.600.000 \text{ đồng} - 1.800.000 \text{ đồng} = 19.800.000 \text{ đồng}$ (trong đó số tiền vay gốc là 18.200.000 đồng).

Tổng số tiền vay góp ông L và bà Nh còn thiếu bà L là 43.800.000 đồng (trong đó số tiền vay gốc còn nợ là 39.800.000 đồng). Từ ngày mãn hạn góp cho đến nay ông L và bà Nh vẫn không trả số tiền trên cho bà L. Lúc ông L và bà Nh hỏi tiền góp thì bà Nh có tự viết và ký tên vào sổ của bà L. Ngoài ra ông L và bà Nh còn nợ bà L số tiền vay khác là 1.000.000 đồng (không có giấy tờ).

Bà L có đến đòi nợ nhiều lần nhưng ông L và bà Nh hứa hẹn mà vẫn không trả nợ, sau đó bà Nh đã bỏ đi khỏi địa phương.

Sau khi bà L có đơn thưa thì đến ngày 27-8-2020, Tổ hòa giải ấp 3, xã B tiến hành hòa giải giữa bà L và ông L (bà Nh đã bỏ địa phương đi nên vắng mặt), tại buổi hòa giải ông L thừa nhận nợ và hứa sẽ trả cho bà L mỗi mùa vụ là 3.000.000 đồng, bà L không đồng ý nên Tổ hòa giải ấp 3, xã B lập biên bản hòa giải không thành, bà L tiếp tục khởi kiện đến Tòa án.

Khi khởi kiện bà L yêu cầu ông L trả cho bà L số tiền vay còn thiếu tổng cộng là 44.800.000 đồng (Bốn mươi bốn triệu tám trăm nghìn đồng), không yêu cầu tính lãi. Nhưng sau đó bà L có đơn thay đổi yêu cầu, bà L yêu cầu ông L và bà Nh cùng liên đới trả số tiền nợ vay nêu trên.

Tại phiên tòa bà Đinh Thị L yêu cầu ông Phan Hòa L và bà Lưu Thị Nh có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Đinh Thị L số tiền vay gốc còn thiếu tổng cộng là 40.800.000 đồng (Bốn mươi triệu tám trăm nghìn đồng), không yêu cầu tính lãi.

Lời trình bày của bị đơn Phan Hòa L: Tại phiên hòa giải ngày 27-10-2020 giữa bà L và ông L thì ông L thừa nhận việc bà Lưu Thị Nh (vợ ông L) có vay tiền chỗ bà L như bà L trình bày ở trên và còn nợ bà L số tiền vay gốc là 40.800.000 đồng. Hiện nay bà nhiều đã bỏ địa phương đi không biết đang cư trú ở đâu nên bà L khởi kiện yêu cầu ông L trả số nợ vay như trên thì ông L cũng thống nhất, ông L đồng ý một mình có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền vay gốc còn thiếu tổng cộng là 40.800.000 đồng (Bốn mươi triệu tám trăm nghìn đồng), không có lãi. Ông L không yêu cầu vợ ông L là bà Nh cùng liên đới trả nợ trên vì hiện nay bà Nh đã bỏ địa phương không liên lạc được, không biết hiện đang cư trú ở đâu.

Tại phiên tòa ông Phan Hòa L không đồng ý cùng bà Lưu Thị Nh có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ vay trên cho bà Đinh Thị L vì ông L cho rằng tiền nợ trên là nợ riêng của bà Nh.

Lời trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lưu Thị Nh: Tại phiên hòa giải ngày 27-11-2020 giữa bà L và bà Nh và tại phiên tòa thì bà Nh đều thừa nhận việc bà Nh có vay tiền của bà L như bà L đã trình bày ở trên, hiện nay bà Nh còn nợ bà L số tiền vay gốc là 40.800.000 đồng. Nay qua yêu cầu của bà L, bà Nh chỉ đồng ý một mình bà Nh có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền vay gốc còn thiếu tổng cộng là 40.800.000 đồng (Bốn mươi triệu tám trăm nghìn đồng), không có lãi. Bà Nh không yêu cầu ông L có nghĩa vụ liên đới cùng bà Nh trả tiền nợ vay vì việc vay tiền chỉ giữa bà Nh và bà L biết với nhau, ông L không biết và cũng không cùng sử dụng số tiền bà Nh vay của bà L.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đinh Thị L, buộc ông Phan Hòa L và bà Lưu Thị Nh (vợ ông L) có nghĩa vụ liên đới trả nợ gốc cho bà Đinh Thị L là 40.800.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Khi khởi kiện Đinh Thị L yêu cầu ông Phan Hòa L có nghĩa vụ trả số tiền vay gốc còn thiếu tổng cộng là 44.800.000 đồng, tại phiên tòa bà L thay đổi yêu cầu, bà L yêu cầu ông L và bà Nh có nghĩa vụ liên đới trả số

tiền vay gốc còn thiếu là 40.800.000 đồng (Bốn mươi triệu tám trăm nghìn đồng), không yêu cầu tính lãi.

Theo biên bản hòa giải và biên bản hòa giải thành ngày 27-10-2020, ông L thừa nhận có biết bà Nh vay tiền của bà L và đồng ý một mình có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền vay gốc còn thiếu tổng cộng là 40.800.000 đồng, không có lãi, vì khi đó bà Nh không có mặt tại địa phương.

Đến ngày 29-10-2020, bà L có đơn thay đổi ý kiến hòa giải ngày 27-10-2020 vì cho rằng nợ vay trên là của vợ chồng ông L và bà Nh nên yêu cầu Tòa án đưa bà Nh vào tham gia tố tụng trong vụ án với cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và yêu cầu bà Nh có nghĩa vụ liên đới cùng ông L trả cho bà L số tiền vay gốc còn thiếu tổng cộng là 40.800.000 đồng.

Tại phiên hòa giải ngày 27-11-2020, bà Nh thừa nhận và chỉ đồng ý một mình bà Nh có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền vay gốc còn thiếu là 40.800.000 đồng, không có lãi, bà Nh không yêu cầu ông L có nghĩa vụ liên đới cùng bà Nh trả nợ vì việc vay tiền chỉ giữa bà Nh và bà L biết với nhau, ông L không biết và cũng không cùng sử dụng số tiền vay của bà L.

Xét thấy: Bà Nh là người trực tiếp vay tiền của bà L, ông L không trực tiếp vay tiền của bà L nhưng ông L thừa nhận có biết bà Nh vay tiền của bà L theo biên bản hòa giải giữa bà L và ông L ngày 27-8-2020 tại Tổ hòa giải ấp 3, xã B và ngày 27-10-2020 tại Tòa án, ông L đều đồng ý trả tiền nợ vay trên cho bà L. Đồng thời, khi bà Nh vay tiền của bà L thì bà Nh và ông L vẫn đang trong thời kỳ hôn nhân và bà Nh không chứng minh được đã sử dụng số tiền vay trên vào mục đích cá nhân của bà Nh theo quy định tại Điều 27 và Điều 30 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Từ những phân tích trên chứng tỏ yêu cầu khởi kiện của bà L là có căn cứ nên chấp nhận yêu cầu của bà L, buộc ông L và bà Nh có nghĩa vụ liên đới trả cho bà L số tiền vay gốc còn thiếu tổng cộng là 40.800.000 đồng (Bốn mươi triệu tám trăm nghìn đồng), không có lãi theo quy định tại Điều 103 và Điều 288 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn Phan Hòa L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lưu Thị Nh có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn Đinh Thị L số tiền 40.800.000 đồng nên phải có nghĩa vụ liên đới chịu $5\% \times 40.800.000$ đồng = 2.040.000 đồng (Hai triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng) án phí theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nguyên đơn Đinh Thị L không phải chịu án phí nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.120.000 đồng (Một triệu một trăm hai mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số: BH/2018/0008837 ngày 12-10-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

[4] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa cũng phù hợp với nhận định nêu trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 5, 26, 35, 39, 91, 144, 147, 244, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 27 và Điều 30 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào các điều 103, 288, 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đinh Thị L.

Buộc ông Phan Hòa L và bà Lưu Thị Nh có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Đinh Thị L số tiền vay gốc còn thiếu tổng cộng là 40.800.000 đồng (Bốn mươi triệu tám trăm nghìn đồng), không có lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành án xong thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án đến khi thi hành án xong.

2. Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phan Hòa L và bà Lưu Thị Nh có nghĩa vụ liên đới chịu 2.040.000 đồng (Hai triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng) án phí.

Bà Đinh Thị L không phải chịu án phí, hoàn trả lại cho bà Đinh Thị L 1.120.000 đồng (Một triệu một trăm hai mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: BH/2018/0008837 ngày 12-10-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

3. Đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 21-01-2021).

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tân Hồng;
- CC THADS huyện Tân Hồng;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Bé Hương